

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Trần Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 16/TB- TA ngày 17/5/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm B, xã L, huyện , tỉnh B.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức G, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: xóm B, xã L, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức G kết hôn tháng 1 năm 2009, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại thôn B, xã L, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh G thường xuyên say rượu về đánh đập chị. Tháng 11 năm 2020 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/12/2009 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/02/2012, hiện nay cháu D, cháu L đang ở với anh G. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu L, anh G nuôi dưỡng cháu D. Chị và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị L vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời ngày 17/02/2021, bị đơn là anh Nguyễn Đức G trình bày: anh và chị L kết hôn tháng 01 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có đến xin lỗi và khuyên bảo chị L về đoàn tụ nhưng chị L cương quyết không về. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị L vì anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/12/2009 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/02/2012. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2021 anh G không đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung anh xin được nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà anh G vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức G.

Về con chung: giao cho chị L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/02/2012. Anh Nguyễn Đức G nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/12/2009. Chị L, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với anh G có nơi cư trú tại xóm B, xã L, huyện

T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị L, anh G vắng mặt nhưng chị L có đơn xin vắng mặt, anh G đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L, anh G là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh G kết hôn tháng 01 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh G và yêu cầu ly hôn. Anh G không đồng ý ly hôn với chị L. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng anh G, chị L mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đánh, cãi nhau. Anh G, chị L ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy hiện chị L, anh G sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh G có khuyên bảo chị L về đoàn tụ nhưng chị L không về. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị L được ly hôn anh G là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/12/2009 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/02/2012. Vợ chồng ly hôn, chị L xin nuôi cháu L để anh G nuôi cháu D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G đề nghị xem xét theo nguyện vọng của các con. Tại bản tự khai cháu L, cháu D có nguyện vọng ở với anh G. Hiện nay chị L làm nghề kinh doanh hoa quả, làm hoa tại chợ H thuộc thôn S, xã L. Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương xác nhận anh G làm thợ sơn, cho các công trình xây dựng thu nhập khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng/ ngày. Vợ chồng anh G, chị L có 02 con chung là cháu D và cháu L, hiện con chung đang ở với anh G. Tại biên bản làm việc với giáo viên chủ nhiệm của lớp 3D trường tiểu học L và giáo viên chủ nhiệm lớp 6B trường Trung học cơ sở L xác nhận cháu D có học lực trung bình, cháu L có học lực khá. Hai cháu D, L phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Chị L là người trực tiếp đóng học cho các cháu và thường xuyên hỏi thăm tình hình học tập của các cháu. Hội đồng xét xử thấy: chị L, anh G có 02 con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/12/2009 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/02/2012 chưa thành niên. Chị L xin nuôi cháu L để anh G nuôi cháu D. Vợ chồng chị L, anh G không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để giao con chung. Anh G, chị L ly thân nhưng chị L sinh sống và bán hoa quả ở chợ H thuộc thôn S, xã L. Trong thời gian vợ chồng ly thân chị L vẫn quan tâm, chăm sóc đến việc tập của các con. Chị L, anh G đều có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc giao cho chị L nuôi dưỡng cháu L không ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của cháu L. Do vậy giao cho L

nuôi dưỡng cháu L, anh G tiếp tục nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị L, anh G tự nguyện không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nên không buộc chị L, anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị L, anh G có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị L, anh G thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 1, 3 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị L, anh G không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức G.

2. Về con chung: giao cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/02/2012. Anh Nguyễn Đức G nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/12/2009. Chị L, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn chị L, anh G có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L, anh G thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000156 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị Hoàng Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh

